

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198 /2017/HS-ST

Ngày: 29 – 9 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà : Bà Trần Thị Mai

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Song Hoàn

Ông Hà Văn Trường

- Thư ký phiên toà : Bà Bùi Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 178/2017/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

ĐẶNG HỒNG MINH S , Tên gọi khác: không.

Sinh năm: 1987, tại tỉnh Đồng Nai

Nơi ĐKKHKT: 1514/15/25/2D đường A, phường 12, TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở : 360/30/38 đường G, phường N , TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu .

Trình độ văn hoá: 6/12; Nghề nghiệp: không; Dân tộc: Kinh

Con ông Đặng Hồng Ng, sinh năm : 1952 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm : 1953

Tiền án : Không

Tiền sự: Tháng 05/2017 bị Công an TP Vũng Tàu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/6/2017, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu.

(bị cáo có mặt)

Người bị hại:

- 1/ Chị Trần Thị T, sinh năm 1979 (có mặt)
 住所 : 24/2 đường C, P. 7, TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- 2/ Chị Trần Thị Hoài Th, sinh năm 1995 (vắng mặt)
 住所 : số nhà 53/57/19A đường P, P.7, tp V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- 3/Chị Trương Thị Ngọc Ph, sinh năm 1996 (có mặt)
 住所 : số nhà 479/2/27 đường Đ, P.7, TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- 4/Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1987 (có mặt)
 住所 : Tổ 14, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Người có nghĩa vụ quyền lợi có liên quan:
- 1/ Anh Võ Ph, sinh năm 1981 (có mặt)
 住所 : Tổ 14, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu..
- 2/ Anh Nguyễn Phi S, sinh năm 1975 (vắng mặt)
 住所 : 531A đường N, P. N, TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- 3/ Anh Đặng Văn B , sinh năm 1969 (vắng mặt)
 住所 : 171A đường Ng, phường 3, TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2017, Đặng Hồng Minh S dùng xe mô tô thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 9 giờ S ngày 27/5/2017, S điều khiển xe mô tô đến dãy phòng trọ số 479/2/27 đường Đ, P.7, TP V. Khi phát hiện dãy phòng trọ không có người ở nhà, S đã phá khóa vào lấy được 02 máy tính xách tay, trong đó có 01 máy tính hiệu Dell của chị Trương Thị Ngọc Ph và 01 máy tính hiệu Acer của chị Trần Thị Hoài Th. Sau khi lấy được tài sản, S đã đem máy tính hiệu Dell cầm tại tiệm cầm đồ PA tại số 531A đường N, phường N, TP V do Nguyễn Phi S làm chủ được 3.000.000đ và đem máy tính hiệu Acer bán tại tiệm điện thoại được 1.300.000đ.

Theo Biên bản xác định giá trị tài sản số 145 và 146/BB-PTCKH ngày 30/6/2017 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự thành phố Vũng Tàu thì giá trị chiếc máy tính hiệu Dell của chị Trần Thị Hoài Th là 2.700.000đ và giá trị chiếc máy tính hiệu Acer của chị Trương Thị Ngọc Ph là 6.500.000đ.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 10 giờ S ngày 05/6/2017, S điều khiển xe mô tô biển số 72D1-132.21 đến phòng trọ số 24/2 đường C, P. 7, TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, S đã dùng thanh sắt phá khóa vào nhà của chị Trần Thị T lục soát lấy được số tiền mặt là 30.000.000đ, số tiền trên S đã tiêu xài hết.

Vụ thứ ba : Vào khoảng 14 giờ 15 phút ngày 15/6/2017, S điều khiển xe mô tô biển số 72D1-132.21 đến khu vực phòng trọ tại tổ 14, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu , S dùng thanh sắt phá khóa vào nhà của chị Trần Thị Thanh H lục tìm tài sản trong tủ lấy được 01 dây chuyền vàng 24K; 01 đôi bông tai vàng 18K; 5.000.000đ tiền mặt và 01 chiếc bóp bên trong có giấy phép lái xe và giấy

3
chứng nhận đăng ký xe đều mang tên Võ Ph (chồng chị H). Sau khi lấy được tài sản, S đem 01 dây chuyền đến tiệm vàng K M tại 171A đường Ng, phường 3, TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu do anh Đặng Văn B làm chủ bán được 4.300.000đ, số tiền bán dây chuyền và số tiền mặt S đã tiêu xài hết, còn 02 chiếc nhẫn S cho rằng là vàng giả nên vứt đi, chiếc bóp da cùng giấy tờ S đem về phòng trọ cất giấu.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”

2. Các vấn đề khác:

Theo Biên bản xác định giá trị tài sản số 145 và 146/BB-PTCKH ngày 30/6/2017 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự thành phố Vũng Tàu thì giá trị chiếc máy tính hiệu Dell của chị Trần Thị Hoài Th là 2.700.000đ và giá trị chiếc máy tính hiệu Acer của chị Trương Thị Ngọc Ph là 6.500.000đ.

Theo kết luận định giá tài sản ngày 27/6/2017 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự huyện Long Điền xác định 01 dây chuyền vàng 24K là 6.156.000đ; 02 chiếc nhẫn bằng vàng 18K là 2.240.000đ, chiếc bóp da màu nâu giá trị là 200.000đ, tổng cộng là 8.596.00đ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 183/CT-VKS ngày 12/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu truy tố bị cáo Đặng H Minh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS năm 1999, đề nghị xử phạt bị cáo với mức án từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của người bị hại

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: “Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2017, Đặng Hồng Minh S đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản chiếm đoạt của chị Trần Thị T số tiền 30.000.000đ, của chị Trương Thị Ngọc Ph tài sản trị giá là 6.500.000đ, của chị Trần Thị Hoài Th tài sản trị giá là 2.700.000đ và của chị Trần Thị Thanh H tài sản trị giá là 13.596.000đ, tổng cộng là 52.796.000đ

Xét hành vi của bị cáo thì thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân đã được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo lợi dụng sơ hở của người bị hại, lén lút chiếm đoạt tài sản của họ, tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại là 52.796.000 đồng, do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là thanh niên đã trưởng thành nên nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham chơi, đua đòi, muốn có tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo bất chấp pháp luật và dư luận quần chúng thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học tu chí bản thân, làm ăn lương thiện mà lại tiếp tục trộm cắp tài sản; bị cáo đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Mức hình phạt và các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở để chấp nhận

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Cơ quan điều tra đã thu hồi được chiếc máy tính hiệu Dell trả lại cho chị Trần Thị Hoài Th, chị Th không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

- Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 02 giấy phép lái xe cho anh Võ Ph, anh Ph không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

- Chiếc máy tính của chị Trương Thị Ngọc Ph, S khai bán cho tiệm điện thoại số 430 đường B, phường N, TP V nhưng anh Trần Văn H là chủ tiệm điện thoại không thừa nhận có mua của S máy tính như trên nên Cơ quan điều tra không thu hồi lại được. Chị Trương Thị Ngọc Ph yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá chiếc máy vi tính bị chiếm đoạt là 6.500.000đ, bị cáo đồng ý nên ghi nhận, buộc bị cáo bồi thường cho chị Ph số tiền 6.500.000đ.

- Chị Trần Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 30.000.000đ, bị cáo đồng ý nên ghi nhận, buộc bị cáo S bồi thường cho chị T số tiền 30.000.000đ.

- Chị Trần Thị Thanh H yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 13.596.000đ, bị cáo đồng ý nên ghi nhận, buộc bị cáo bồi thường cho chị H số tiền 13.596.000đ.

[5] Các vấn đề khác:

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 72D1-132.12 mà bị cáo sử dụng hiện chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[6] Về án phí DSST và HSST: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Đặng Hồng Minh S** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 BLHS năm 1999

- Xử phạt bị cáo **Đặng Hồng Minh S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày **18/6/2017**

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999

- Buộc bị cáo bồi thường cho chị Trương Thị Ngọc Ph số tiền 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng)

- Buộc bị cáo bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)

- Buộc bị cáo bồi thường cho chị Trần Thị Thanh H số tiền 13.596.000đ (mười ba triệu năm trăm chín mươi sáu đồng)

Tính từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

“ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS năm 2003 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bị cáo phải nộp 2.504.000đ (hai triệu năm trăm lẻ bốn ngàn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm và 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm, tổng cộng bị cáo phải nộp 2.704.000đ (hai triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn đồng)

5. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2017). Riêng người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu(PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Thị Mai